TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/DS-ST
Ngày: 14-9-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thành Sơn

Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

+ Chị Ngô Thị T-NĐ, sinh năm 1984 và chồng là anh Nguyễn Thanh S-NĐ, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp TPT, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(có mặt).*

+ Bà Nguyễn Thị V-NĐ, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp TPT, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(có mặt).*

Bị đơn: Ông Hoàng Xuân N-BĐ, sinh năm 1966 và vợ là bà Võ Thị S-BĐ, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp TPT, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(ông N-BĐ ủy quyền cho bà S-BĐ; bà S-BĐ có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27-11-2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18-01-2018, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị T-NĐ và anh Nguyễn Thanh S-NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 08-12-2016al chị T-NĐ có tham gia chơi hụi do chị S-BĐ và anh N-BĐ làm chủ hụi. Hụi gồm 40 phần mỗi phần hụi 300.000đ, một tuần khui hụi một lần; chị T-NĐ tham gia chơi hai phần hụi. Chị T-NĐ đã đóng hụi đầy đủ đến mãn hụi với số tiền 21.000.000đ nhưng phía chị S-BĐ, anh N-BĐ không trả tiền. Chị T-NĐ và chồng là anh S-NĐ khởi kiện yêu cầu chị S-BĐ và anh N-BĐ trả lại số tiền đã góp hụi là 20.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 27-11-2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18-01-2018, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V-NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 08-12-2016al bà V-NĐ có tham gia chơi hụi do chị S-BĐ và anh N-BĐ làm chủ hụi. Hụi gồm 40 phần mỗi phần hụi 300.000đ, một tuần khui hụi một lần; bà V-NĐ tham gia chơi ba phần hụi. bà V-NĐ đã đóng hụi đầy đủ đến mãn hụi với số tiền 31.500.000đ nhưng phía chị S-BĐ, anh N-BĐ không trả tiền. Bà V-NĐ khởi kiện yêu cầu chị S-BĐ và anh N-BĐ trả lại số tiền đã góp hụi là 31.500.000đ.

Các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị S-BĐ và ông Hoàng Xuân N-BĐ trình bày: Ông N-BĐ, bà S-BĐ thừa nhận ông, bà có làm chủ hụi, các bà V-NĐ, T-NĐ có tham gia chơi hụi. Dây hụi khui ngày 08-12-2016al gồm 40 chân hụi, mỗi phần hụi 300.000đ, mỗi tuần khui hụi một lân; bà T-NĐ chơi hai chân, bà V-NĐ chơi ba chân hụi và các bà này đã đóng hụi đầy đủ đến khi mãn hụi. Số tiền bà T-NĐ đã góp tính theo hụi sống là 15.530.000đ, tính theo hụi chết là 20.400.000đ, bà Sáu trả được 1.000.000đ nên còn 19.400.000đ; bà V-NĐ đã góp hụi tính theo hụi sống là 23.295.00đ, tính theo hụi chết là 30.600.000đ.

Tại phiên tòa, bà S-BĐ xác định còn nợ tiền hụi bà V-NĐ là 30.900.000đ, nợ chị T-NĐ là 19.600.000đ (chênh lệch so với trước đây là do tính nhầm về tiền hoa hồng), bà Sáu xin trả dần mỗi tháng trả mỗi người 3.000.000đ; các nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định (vắng mặt khi tổ chức hòa giải) của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các bên đã thống nhất về số tiền nợ; về phương thức trả bị đơn xin trả dần, nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở ghi nhận. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N-BĐ, bà S-BĐ trả cho chị T-NĐ, anh S-NĐ 19.600.000đ, trả cho bà V-NĐ 30.900.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp hụi nên quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi.

[2] Nguyên đơn trình bày được bị đơn thừa nhận sự việc: Giữa bị đơn vợ chồng chị S-BĐ, anh N-BĐ với nguyên đơn vợ chồng chị T-NĐ, anh S-NĐ và bà V-NĐ có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi. Cụ thể, chị S-BĐ, anh N-BĐ làm chủ hụi, mở dây hụi vào ngày 08-12-2016al, mỗi phần hụi 300.000đ, 1 tuần khui hụi 1 lần, chị T-NĐ tham gia chơi 2 phần hụi, bà V-NĐ tham gia chơi 3 phần hụi. Phía chị T-NĐ, bà V-NĐ đã góp hụi đầy đủ đến khi mãn hụi. Số tiền chị S-BĐ, anh N-BĐ phải trả lại cho chị T-NĐ là 19.600.000đ, trả cho bà V-NĐ là 30.900.000đ. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, các nguyên đơn không phải chứng minh về việc bị đơn còn nợ số tiền hụi. Các bên không thống nhất được phương thức trả nợ do bị đơn xin trả dần, nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở ghi nhận.

[3] Bị đơn bà S-BĐ, ông N-BĐ là chủ hụi đã nhận tiền góp hụi nhưng không giao tiền hụi (mặc dù hụi đã mãn) cho các nguyên đơn bà V-NĐ và chị T-NĐ, anh

S-NĐ nên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi quy định tại Điều 29 N-BĐ định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 479 Bộ luật dân sự nên phát sinh nghĩa vụ trả tiền. HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc bà S-BĐ, ông N-BĐ trả cho bà V-NĐ số tiền 30.900.000đ, trả cho chị T-NĐ, anh S-NĐ số tiền 19.600.000đ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

+ Bị đơn bà S-BĐ, ông N-BĐ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: (30.900.000đ + 19.600.000đ) x 5% = 2.525.000đ;

+ Các nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bà Võ Thị S-BĐ và chồng là ông Hoàng Xuân N-BĐ trả cho bà Nguyễn Thị V-NĐ số tiền là 30.900.000đ.

2- Buộc bà Võ Thị S-BĐ và chồng là ông Hoàng Xuân N-BĐ trả cho chị Ngô Thị T-NĐ và chồng là Nguyễn Thanh S-NĐ số tiền là 19.600.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà V-NĐ, chị T-NĐ, anh S-NĐ nếu bà Sáu và ông N-BĐ không trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi cho bà V-NĐ, chị T-NĐ, anh S-NĐ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Võ Thị S-BĐ và ông Hoàng Xuân N-BĐ cùng chịu 2.525.000đ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V-NĐ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 787.500đ tại biên lai số 0008612 ngày 06-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh;

Nguyên đơn chị Ngô Thị T-NĐ, anh Nguyễn Thanh S-NĐ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ tại biên lai số 0008611 ngày 06-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14-9-2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công